

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Số: 2677 /2021/QĐST- HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thành phố Thủ Đức, ngày 29 tháng 12 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1767/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Võ Ngọc L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: phường Long Trường, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và: Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1965.

Địa chỉ: phường Long Trường, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Ngọc L và ông Huỳnh Văn C tìm hiểu với nhau khoảng 03 năm thì tiến hành tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thạnh Mỹ, huyện Thủ Đức (nay là phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22, quyển số 01/1992 ngày 13 tháng 5 năm 1992. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Ngọc L và ông Huỳnh Văn C là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung hạnh phúc được 29 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay đôi bên đã sống ly thân. Xét cuộc sống chung giữa bà L và ông C thực tế không còn, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà là có cơ sở.

[2] Về con chung: Có 03 người con chung Võ Kim D, sinh ngày 17/5/1991 (đã trưởng thành); Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 17/4/1992 (đã trưởng thành); Huỳnh Hữu H, sinh ngày 07/5/1998 (đã trưởng thành).

[3] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà Võ Ngọc L và ông Huỳnh Văn C cùng xác nhận không có. Ngày 21 tháng 12 năm 2021, Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Ngọc L và ông Huỳnh Văn C thuận tình ly hôn;

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22, quyển số 01/1992 ngày 13 tháng 5 năm 1992 do Ủy ban nhân dân xã Long Thạnh Mỹ, huyện Thủ Đức (nay là phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Võ Ngọc L và ông Huỳnh Văn C không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 03 người con chung Võ Kim D, sinh ngày 17/5/1991 (đã trưởng thành); Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 17/4/1992 (đã trưởng thành); Huỳnh Hữu H, sinh ngày 07/5/1998 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà Võ Ngọc L và ông Huỳnh Văn C cùng xác nhận không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí bà Võ Ngọc L và ông Huỳnh Văn C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0024991 ngày 03/12/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L, ông C đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND P. Long Thạnh Mỹ;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Phan Thị Tâm**